

TRÀ VINH

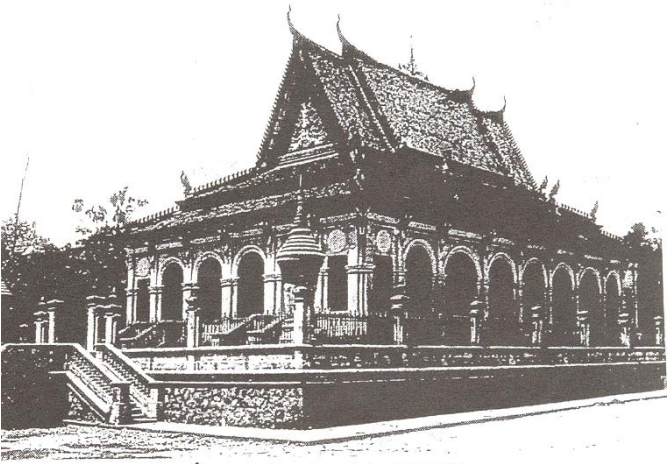
Nguyễn Văn Nhựt

Đọc qua các địa danh Châu Đốc, Tây Ninh, Hà Tiên.... của Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Liêm- Thầy tôi- Tôi ngỡ lời với thầy muốn giúp thầy một tay để viết về Trà Vinh, quê hương nhỏ bé và thân thương của mình.

Nói đến Trà Vinh, người đồng hương nhớ đến câu:

Trà Vinh có bún nước lèo
Có Chùa Ông Mẹt, Ao Đào Bà Om
Có Chùa thờ vía Quan Công.
Có đình Long Đức thờ Trần Trung Tiên





Chùa Ông Mẹp Tinh Trà Vinh



*Chùa thờ Quan Công ngay tại Thị Xã Trà Vinh
(Ảnh chụp năm 2004)*



*Đình Long Đức thờ Bồ Chánh Trần Trung Tiên
(Hình Bìa Đặc San Trà Vinh số 6, năm 2006)*

ĐỊA LÝ THIÊN NHIÊN: Sự hình thành tỉnh Trà Vinh cũng là hình thành của các tỉnh Châu Đốc, Sa Đéc, Vĩnh Long vì nằm chung trong một cù lao lớn giữa sông Tiền và sông Hậu.

Trước hết ta hãy xem sự hình thành chung của đồng bằng sông Cửu Long như thế nào. Để thú vị hơn chúng ta nên tìm hiểu đất nước Việt Nam qua sự biến đổi hình dáng của địa đồ thế giới. Theo thời gian vạn vật đều biến đổi. Quả địa cầu cũng không ngoại lệ. Qua bốn lần Đại Hồng Thủy, hình dáng lục địa thay đổi rất nhiều. Nhìn lại bản đồ thế giới cách đây một triệu năm (Đại Hồng Thủy lần thứ nhứt), so với ngày nay thì khác xa rất nhiều. Nước Mỹ và Canada chưa có. Nước Nhật dính liền với Trung Quốc. Còn Việt Nam thì dính liền với Philippines, Indonesia và các nước ở Úc Châu. Đồng bằng sông Cửu Long- Đồng Nai của chúng ta trải dài và rộng mênh mông, không có cách sông cách biển gì cả.

Sau Đại Hồng Thủy lần thứ Tư (Poseydoniss) 9564 năm trước Chúa Giáng sinh



Cách nay hơn 11.570 năm, hình thù trái đất không khác hơn hiện giờ bao nhiêu. Giữa Mỹ Châu và Âu Châu còn ba đại lục địa lớn. Ngày nay chỉ còn lại tàn tích mà thôi. Ta thấy vùng Sahara và vùng Mongolia, Bạch Đảo còn là vùng biển mênh

mông, nay trở thành vùng sa mạc cát rộng lớn nhất thế giới. Bản đồ thế giới chỉ thay đổi theo đường viền chung quanh mà thôi.

Riêng Việt Nam thì đã thành bán đảo Đông Dương hẳn hoi, không có khác gì hơn hiện giờ. Có khác hơn là vùng đồng bằng sông Cửu Long- Đồng Nai. Đổi thay không phải là do các trận đại hồng thủy, mà do thời gian và định luật vật lý tự nhiên tạo thành.

Nhìn bản đồ phóng đại lúc bấy giờ, miền Nam Việt Nam chỉ có từ Vũng Tàu qua Hà Tiên mà thôi, còn các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long còn nằm ngang và thấp hơn mực nước biển. Tỉnh Trà Vinh dĩ nhiên cũng còn là vùng biển. Vậy đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Tỉnh Trà Vinh được hình thành như thế nào?



Đồng bằng sông Cửu Long năm 1968

Có hai yếu tố chánh tạo thành Đồng Bằng Sông Cửu Long: Một là phù sa sông Cửu Long. Hai là dòng nước nóng Hải Lưu chảy từ Bắc vào Nam.

Theo các nhà nghiên cứu, nếu mực nước biển rút thấp đi chừng 9 met thì chúng ta có thể đi bộ từ Việt Nam qua

Philippines, các đảo Hoàng Sa, Trường Sa sẽ nối liền các đảo lại với nhau. Nói vậy có nghĩa là nhờ mực nước biển thấp, lượng đất vung bồi không cần nhiều bao nhiêu cũng đủ vung bồi thành một vùng đất mới.

Có hai yếu tố chánh để hình thành đồng bằng Cửu Long: Phù sa sông Cửu Long và dòng Hải Lưu.

1/. Phù Sa Sông Cửu Long:

Sông Cửu Long phát nguồn từ trên núi Kumlung bên tây Tạng với độ cao hơn 24.900 bộ Anh. Với một dốc độ cao, sức nước đổ mạnh tạo một áp suất cao, gây ra sự xâm thực lớn để bào mòn lòng sông và hai bên sông. Yếu tố chánh là lưu lượng nước mưa thật nhiều của toàn vùng. Nước mưa này bào mòn đất tạo thành phù sa và đổ xuống sông. Với chiều dài hơn 4.800 km chảy qua các vùng đất mềm dễ bị nước mưa làm tan. Bắt nguồn từ đồi Amodo và núi Gongga Shan, Kunming, Mengzi bên Trung Quốc. Bhmo, Lashro và Mandalay bên Miến Điện. Chrang Mai của Bắc Thái Lan. Nguyên vùng đất phía Tây của núi Trường Sơn thuộc Lào, chảy xuyên qua Cambogia và ra biển. Vào mùa mưa trung bình lưu lượng phù sa là 3 vạn tấn mỗi ngày. (Mỗi năm $3 \times 365 = 1095$ vạn tấn).

2/. Dòng Hải Lưu:

Lưu lượng phù sa tuy nhiều (Hơn 10.000 v?n t?n/n?m), nhưng nếu không có dòng hải lưu chảy cực mạnh từ Bắc về Nam thì phù sa sẽ trôi xa ra biển cả. Đây là dòng nước ấm mang nước ấm từ kinh tuyến 0 độ dưới Malaysia đem lên đông bắc ngoài khơi hải phận Quốc Tế, đổ vào Việt Nam và chảy ngược lại phía Nam. Dòng nước ấm này (South East V N current) làm cho bãi biển Việt Nam lúc nào cũng ấm áp. Đó cũng là một lý do mà người Tây Phương rất thích tắm tại các bờ biển Việt Nam. Biển Ba Động cũng là một thắng cảnh của Trà Vinh, rất nổi tiếng của miền Nam Việt Nam. Ai từng qua địa phương này đều chú ý đến những tấm bảng ghi câu: “*Biển Ba Động nước xanh cát trắng*” rất hấp dẫn, như mời gọi du khách hãy dừng chân, thử tắm một lần cho biết.

Dòng nước Hải Lưu này chảy dọc theo bờ biển Việt Nam từ Bắc vào Nam làm các phù sa của sông Cửu Long không có cơ

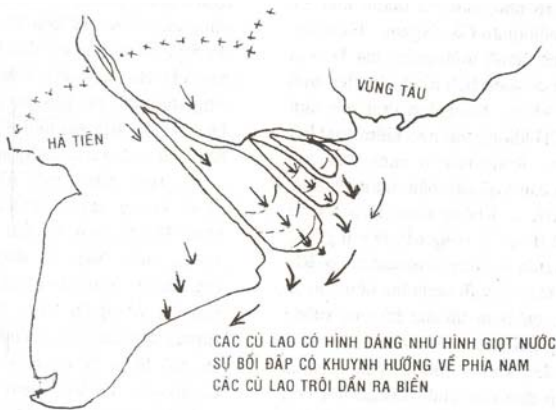
hội ra xa hơn nữa, vì vậy sự bồi đắp có khuynh hướng luôn luôn về phía Nam.

Nhìn trên bản đồ dùng cho người đi biển (Hải Quân) ta thấy bờ biển miền Nam Việt Nam, có chỗ chỉ sâu 1 hoặc 2 met. Bờ biển thì rất lồi. Khi thủy triều rút xuống, ta thấy một bãi cát rộng mênh mông, xa mút khỏi tầm mắt.

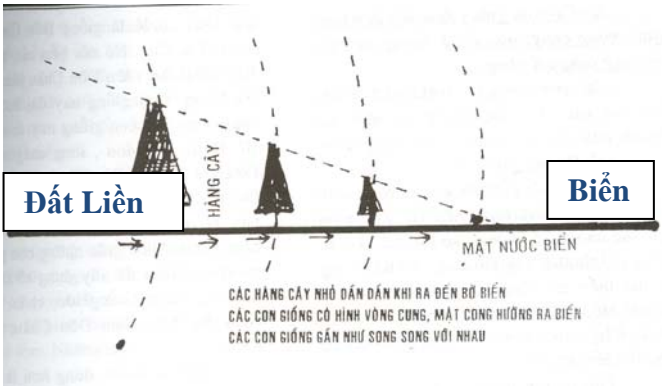
Hình dáng và sự hình thành Đồng Bằng Miền Nam Việt Nam theo các định luật tự nhiên sau đây:

- Sự bồi đắp theo khuynh hướng về phía Nam
- Các cù lao có hình như giọt nước
- Các con giồng được bồi đắp theo hình vòng cung có mặt cong hướng ra biển và song song với nhau.
- Các cù lao trôi dần ra biển

Theo các định luật tự nhiên trên, các cù lao trôi dần ra biển làm tăng diện tích Đồng Bằng Cửu Long. Theo tài liệu trước năm 1975, người ta đo được mỗi năm trung bình từ điểm chót của Cà Mau là Bãi Bùn được bồi khoảng 20 met.



Các vùng ven biển như Tân Thuận, Tân Duyệt, Tân An mỗi năm cũng được bồi khoảng 22 met. Vùng được bồi mạnh nhất là Long Toàn thuộc tỉnh Trà Vinh.



Tại bờ biển của tỉnh Trà Vinh, nếu ta đi bộ từ bờ biển vào đất liền. Ta sẽ thấy ngay tại lần óng vỡ là những trái cây, hạt đã nảy mầm như bần, mắm, đước, già dẹt, lẫn với cóc kèn, ô rô... do sóng đánh tạt vào bờ, tạo thành một lần dài vô tận. Xa hơn, cây bần cây mắm, cây đước mới vừa mọc chỉ cao hơn đầu gối. Xa hơn nữa ta thấy cũng những loại cây này cao bằng đầu người. Càng đi sâu vào bờ thì là những rừng cây càng cao hơn. Đặc điểm những hàng cây này có chiều hướng song song với nhau tạo thành những khu rừng nhỏ. Nổi tiếng gỗ quý ở đây là rừng cóc. Cây cóc mà làm cột nhà thì chẳng cây nào sánh bằng (Địa phương). Ở đây rừng chà là mệnh mông, sản xuất đuông chà là là một đặc sản của Long Toàn (Một cây chà là chỉ có một con đuông mà thôi).

Nờ thiên nhiên ưu đãi, nhờ sự bồi đắp, bồi lấp mãi cho tỉnh Trà Vinh mỗi ngày có một diện tích càng rộng lớn hơn. Với kinh nghiệm:

“Đất bồi thì ở, đất lở thì đi”

Người dân cũng có khuynh hướng sinh sống theo chiều của dòng sông, theo chiều bồi lấp của đất. Càng về xuôi thì đất càng rộng, vì đó là hướng của đất bồi, của vùng đất mới, vùng nhiều tôm cá và đất đai thì càng phì nhiêu hơn.

LỊCH SỬ TỈNH TRÀ VINH

Về địa lý, nhân văn và lịch sử cổ lễ tỉnh Trà Vinh là tỉnh sanh sau để muộu nhứt trong các tỉnh của Việt Nam.

Về sự bồi đắp, chắc chắn rằng Tỉnh Vĩnh Long phải có trước Trà Vinh. Theo thời gian Tỉnh Trà Vinh sẽ được bồi đắp dài thêm ra, biết đâu huyện Duyên Hải của tỉnh Trà Vinh sau này cũng sẽ là một Tỉnh. Cách nay không lâu, Long Toàn chỉ là một cái ấp, rồi lên thành xã và rồi thành một huyện như bây giờ.

Theo tác giả Huỳnh Văn Lang trong quyển Công Chúa Sứ Giả Tập Hai trang 259, năm 1708 Mạc Cửu đem dâng cho chúa Nguyễn các vùng đất của ông cho chúa Nguyễn từ Phú Quốc, Vũng Thơm, Trũng Kè, Cần Vọt, Rạch Giá, Hà Tiên; như vậy từ đây miền Đông và miền Tây Nam Phần, đã thuộc về Việt Nam. Tuy nhiên hai miền vẫn chưa hoàn toàn liên kết được với nhau về phương diện địa lý và chính trị, vì còn một vùng đất rộng lớn nằm giữa sông Tiền và sông Hậu hoàn toàn ngăn cách hai miền Đông và Tây.

Năm mươi năm sau - năm 1759, Quốc vương Chân Lạp là Nặc Nguyên mất, Nặc Nhuận vừa lên thay đã bị con rể là Nặc Hinh giết chết để cướp ngôi. Con Nặc Nhuận là Nặc Tôn sang Hà Tiên nhờ chính quyền nhà Nguyễn đem quân sang đánh Nặc Hinh giành lại quyền làm vua. Khi lên ngôi, để trả ơn trả nghĩa, Nặc Tôn dâng về chúa Nguyễn phần đất Tầm Phong Long - phần đất còn lại nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, gồm cả 5 tỉnh Châu Đốc, Long Xuyên, Sa Đéc, Vĩnh Long và Trà Vinh ngày nay. Kể từ đây non sông Việt Nam được nối liền một mảnh.

Nếu cuộc Nam Tiến được chia làm làm 10 giai đoạn, thì Mạc Cửu dâng đất miền Tây cho chúa Nguyễn năm 1708 là giai đoạn 9. Phần đất Tầm Phong Long năm 1759 là giai đoạn 10, hoàn tất cuộc nam Tiến. Chúng ta cũng nên biết lúc bấy giờ Vĩnh Long và Trà Vinh được gọi là Long Hồ Dinh

Sau khi chiếm được Thăng Long, thống nhất đất nước ngày 20 tháng 7 năm 1802, Nguyễn Ánh lấy niên hiệu là Gia Long đổi tên nước là Việt Nam. Tên nước Việt Nam bắt đầu từ đây. Ngẫm nghĩ lại lời của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm: “Cửu cửu

càng khôn di định”. Việt Nam ảnh hưởng bởi con số 9. Ngày 20 tháng 7 (2 + 7 = 9) năm Gia Long thứ nhứt Việt Nam được thống nhứt và có tên Việt Nam mền yêu này. Hiệp định Genève Ngày 20 tháng 7 năm 54, đất nước lại chia đôi!

Năm 1832 vua Minh Mạng đổi Long Hồ Dinh thành Vĩnh Long Trấn (Vĩnh Long có tên từ năm này, Tỉnh Trà Vinh chưa có tên!). Vĩnh Long Trấn được chia làm 4 phủ: Định Viễn, Hoàng An, Hoàng Trị, và Lạc Hóa. Phủ Lạc Hóa có 2 huyện: Thuận Nghĩa và **Trà Vinh**.

Sau khi Lê Văn Duyệt mất (Lúc 02:00 giờ ngày 1 tháng 8 năm 1932) vua Minh Mạng bãi bỏ chức Tổng Trấn Gia Định Thành và chia Nam Kỳ thành 6 tỉnh trực thuộc Triều Đình Huế: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. (Lúc này Trà Vinh vẫn còn là một huyện của phủ Lạc Hóa chớ chưa được là một phủ, thuộc tỉnh Vĩnh Long). Đứng đầu tỉnh là Tuần Phủ, phụ tá có các quan Án Sát, Bô Chánh, Lãn Binh để lo các việc hành chánh và quân sự.

Năm 1841, dưới thời Thiệu Trị nguyên niên, một người tên là Lâm Sâm nổi loạn ở Lạc Hóa (Trà Vinh), dùng bùa chú, tà thuyết mê hoặc dân chúng, tụ tập bè đảng tới hơn bảy tám ngàn người chiếm các vùng đất Cầu Kè, Tiểu Cần, Bắc Trang, Trà Diêu. Trong cuộc chiến dẹp giặc nổi loạn thì quan Bô Chánh Trần Trung Tiên đã tử trận (Đêm 17 rạng ngày 18 tháng 3 âm lịch, năm Tân Sửu- 1841, tại Ô Đùng.) Sau khi ngài chết, ngài rất linh hiển. Người dân bản xứ lập đền thờ tại nơi ngài tử trận và mỗi năm đều tổ chức tế giỗ rất trọng thể tại làng Hiếu Tử. Vua Khải định năm thứ 9 12/9/1925) sắc phong ngài làm Thành Hoàng . Sắc phong như sau:

“Sắc Trà Vinh Tỉnh, Ngài Long Thượng tổng, Hiếu Tử xã.

Bô Chánh Trần Trung Tiên chi thần, mạng giả linh ứng từ kim, chính trực.

Vãng tứ tuần đại khánh tiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đấng trật trước phong di vực bảo trung hưng linh phù.

Tôn thần chuẩn kỳ phụng sự thần kỳ tương hộ bảo ngã lê dân khâm thờ”.

Khải Định cửu niên, bất ngoạt nhị thập ngũ nhật.

Trường Trung Học lớn nhất và đầu tiên của Tỉnh Trà Vinh cũng được mang tên ngài. Trường Trung Học Trần Trung Tiên. Trường này đã đào tạo thật nhiều nhân tài cho đất nước.

Dưới thời Pháp thuộc, toàn cõi Nam kỳ được chính thức chia làm 21 tỉnh (Ngày 25/6/1867) Trà Vinh là tỉnh số 5 trong 21 Tỉnh (Gia, Châu, Hà, Rạch, **Trà**, Sa, Bến, Long, Tân, Sóc, Thủ, Tây, Biên...). Vậy tỉnh Trà Vinh được xem là khai sinh năm này (1867). Đúng là sinh sau đẻ muộn!

Năm 1876 Pháp đổi Sở Tham Biện thành Tiểu Khu Hành Chánh Trà Vinh. Ngày 20/12/1899 bãi bỏ chức vụ Tham Biện và đổi thành Tỉnh Trưởng (Chef de Province). Tỉnh lỵ được đặt tại Long Đức. Lúc bấy giờ Trà Vinh có 8 quận: Châu Thành, Cầu Ngang, Long Toàn, Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, Trà Ôn và Càng Long.

Ngày 8/10/1957 chính quyền Ngô Đình Diệm cho sát nhập Quận Vũng Liêm vào Trà Vinh.

Ngày 14/1/1967 lại tách rời Vũng Liêm và Trà Ôn cho Vĩnh Long (Sắc lệnh số 01/SL/ĐUHC). Trà Vinh còn lại 7 quận cho đến nay.

Vì nghĩ rằng danh từ Trà Vinh (Trapeang) là do người khmer đặt ra nên chính quyền đổi thành tỉnh Vĩnh Bình và thị xã là Phú Vinh. Sau năm 1975 tỉnh Vĩnh Bình lại một lần nữa bị xem là một huyện của tỉnh Cửu Long- Huyện Trà Vinh- và thị xã được đổi từ Phú Vinh thành thị xã Trà Vinh. Sau hằng loạt nhiều tỉnh của miền Nam được tách ra thì tỉnh Cửu Long cũng được tách rời làm 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh cho đến nay.

Địa thế thiên nhiên của Tỉnh Trà Vinh

Diện tích tỉnh Trà Vinh khoảng 2.400 Km². Dân số khoảng 966.000 theo thống kê năm 1999. Tỉnh lỵ là thị xã Phú Vinh, một trong những thị xã tăng trưởng và phát triển nhanh nhất Việt Nam. Gồm có 7 quận: Châu Thành, Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Ngang và Duyên Hải. Theo thống kê trên giấy tờ thì dân số phần đông là người Việt, kể đến là Khmer và người Hoa. Nhưng theo thống kê năm 1963 thì dân số Khmer chiếm

80% (Tại sao lại có sự thay đổi quá khác biệt như vậy?) Có lẽ người Khmer nhập Việt tịch và trên giấy tờ đã là Việt Nam.

Về thiên nhiên thì phía đông là sát với biển Đông.



Tỉnh Trà Vinh và các vùng phụ cận

(Tác giả không muốn dùng danh từ Nam Hải vì đây là biển Việt Nam chứ không phải của Trung quốc. Trong câu ca dao:

“*Dã tràng se cát **Biển Đông***

Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì”.

Thật hay cho con Dã Tràng. Câu ca dao trên có từ lâu đã xác định rằng đây là Biển Đông, biển của Việt Nam.

Phía tây giáp với tỉnh Vĩnh Long. Không có một nguyên tố thiên nhiên nào để làm ranh giới cho hai tỉnh. Từ xưa hai tỉnh này là một.

Phía Bắc sông Cổ Chiên là ranh giới tỉnh Bến Tre.

Phía Nam sông Hậu là ranh giới của tỉnh Sóc Trăng.

Trà Vinh hoàn toàn không có núi, chỉ có đồng bằng và sông ngòi như mạng lưới. Nếu nói quê tôi là nhà tranh vách đất, hay đất cày lên sỏi đá, thì điều đó chắc chắn không phải là Trà Vinh rồi. Vì Trà Vinh không có nhà tranh, không có sỏi đá mà đất đai rất phì nhiêu được vung bồi bồi phù sa sông Cửu Long.

Khí hậu: Khí hậu thì cũng như các tỉnh khác của miền nam Việt Nam, ảnh hưởng bởi gió mùa của vùng nhiệt đới, cận xích đạo, nóng và ẩm quanh năm. Chia làm hai mùa mưa nắng rất rõ rệt. Mùa mưa từ tháng năm đến tháng Mười Một. Mùa nắng còn gọi là mùa khô từ tháng mười hai đến tháng tư.

Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.

Mùa nắng thì trồng dưa và làm ruộng muối. Người vùng Duyên Hải hơn 50% là hành nghề làm muối. Muối Cần Cù rất nổi tiếng và được xuất khẩu.



Giao thông: Gồm đường bộ và đường thủy.

Đường thủy: Nhờ hệ thống sông ngòi chằng chịt, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, nên giao thông bằng đường thủy rất phổ thông và tiện lợi. Ngoài các sông cái còn có các kinh đào. Nổi tiếng là kinh Mang Thít, Kinh Láng Sắc. Kinh Láng Sắc cách nay 70 năm hai bên còn là những cây lức, ô rô, cọc kèn mọc nhiều chỗ phủ vào nhau, bề ngang chỉ 3 hay 4 met. Được thoát và đóng nước bằng hệ thống cống số một, cống số hai... Nay thì bề ngang con kinh lớn bằng sông Cửu Long. Dòng nước chảy mạnh, siết làm cho mỗi ngày hai bên bờ càng bị lở thêm ra.

Người ta tìm hiểu vì mực nước và áp suất khác biệt giữa sông Tiền và sông Hậu; vì lưu lượng nước quá nhiều của vùng đồng bằng Quận Duyên Hải và Cầu Ngang; vì hệ thống các cống số một, số 2... do người Pháp tạo ra không ai bảo quản nên bị bẽ. Hiện nay, hai bên bờ kinh còn rất hằm, nhiều chỗ độ hằm hơn 70 đến 80%. Dòng nước còn chảy mạnh và rất siết. Dân địa phương cư ngụ hai bên bờ bị mất sạch đất đai. Trước năm 1975, nhiều nhà có hơn 5, 7 chục công dừa, công đất, nay chỉ còn hai bàn tay trắng vì nạn đất lở hai bên bờ. Hơn nửa mỗi năm đều có người chết vì nạn chìm xuống ở đây. Đây cũng là một vắn nạn lớn cho dân địa phương. Kinh Láng Sặc được nối liền với kinh Khoen là kinh Ngang.



*Xuồng là phương tiện giao thông
rất tiện lợi ở Trà Vinh*

Những con rạch, con lươn, con sẻo, con mương, đường xuồng ngày xưa rất nhỏ (chỉ vừa chiếc xuồng ba lá đi qua) nay đã trở thành những con sông lớn vượt quá nhu cầu, quá sức tưởng tượng của người dân địa phương. Xuồng ba lá (Tam bản) là xuồng phổ thông, nhỏ, chỉ dành cho một người xử dụng gồm ba mảnh ván ghép lại, rất đơn giản, một người có thể kéo lên bờ

ruộng nhẹ nhàng. Xuồng này chỉ để xử dụng trong phạm vi gần, thường một hay hai cây số và trong các đường xuồng, sông nhỏ, trong khoen, trong đập. Nếu xuồng ba lá này đi qua con kinh Láng Sặc thì sẽ chìm ngay. Tôi không thấy xuồng ba lá nhỏ bé này ở xứ Tiền Giang?!

Lớn hơn một chút là xuồng tám miếng cũng có người gọi là xuồng tám bảng (pha trộn lẫn tiếng Hán và tiếng Nôm?) ghép 8 miếng ván lại, thường cho 2 người xử dụng. Muốn dùng lộn xuồng tam bảng và xuồng tám bảng, nên gọi là xuồng ba lá là là xuồng ba lá là ăn hơn. Cách chèo ghe thì ở Trà Vinh dùng một chèo, đặt phía trái sau đuôi ghe. Sau này nhiều người đã bắt chước xứ khác dùng 2 chèo. Có lẽ vì ở Trà Vinh ngày xưa sông ngòi rất nhiều và nhỏ nên dùng một chèo cho tiện?



Hệ thống sông ngòi như mạng lưới

Đường bộ: Trước năm 1975 thì đường bộ thường bị đắp mô và đào phá nên việc giao thông rất chậm chạp, phát triển thua xa các tỉnh miền Đông. Nối liền tỉnh Vĩnh Long bởi liên tỉnh lộ 7A, dài 66 Km². Đi các tỉnh lân cận thì qua các tỉnh lộ khác là 34, 35, 36, 37. Trước năm 1975 thì có 2 phi trường Phú Vinh và Long Toàn, nay không còn xử dụng nữa. Giao thông trong nội tỉnh thì đa số là đường mòn có sẵn trên các con giồng và các bờ ruộng. Tại các ngã ba, ngã tư người Khmer làm một trạm để cho các bộ hành nghỉ chân gọi là Tha La. Tha La thường là một nhà

lá nhỏ, không vách. Nếu có thì chỉ một vách phía Tây mà thôi. Bên trong có một cái giường lớn để các bộ hành có thể nằm hoặc ngồi nghỉ, nhưng các anh chàng chần trâu cũng tập trung lại với nhau nằm nghỉ mệt hay đùa giỡn trên những chiếc giường này làm cho chiếc giường được bóng mát. Dân địa phương tốt bụng cũng không quên để kế bên một khay nước uống, có nắp đậy và một chiếc gáo cán dài máng tròn teng kê đó. Đây là một cử chỉ tốt hay là thói quen hoặc một tập tục có từ lâu đời? Nếu bạn là người bộ hành đi qua cánh đồng vắng, không một bóng cây giữa trời trưa nắng, thì cơ thể của bạn sẽ khô khan, khát nước. Lúc đó bạn sẽ thấy sự quan trọng và cần thiết của những Tha La này. Nếu đây là một tập quán thì rõ ràng là một tập quán thật tốt.

Ngày nay người Việt ở Hải Ngoại đã gởi tiền về làm lại các Tha La này khang trang hơn, mái thiếc hoặc mái ngói bền hơn. Không biết bao nhiêu Tha La đã có, chỉ biết một hệ thống như mạng nhện, một hoặc vài cây số là có một cái tha la.

Nếu từ Sài Gòn theo đường xe đò 198 km tới thị xã Trà Vinh thì phải qua các tỉnh Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long. Đã đến Trà Vinh rồi thì không còn đi Tỉnh nào nữa, vì đã tới tận cùng bờ biển. Trên đường đi phải qua các nơi Trung Lương, Cầu Bến Lức, bến phà Mỹ Thuận “nay đã bắt cầu”. Những người Trà Vinh khó mà quên được cảnh các cô gái đội nón lá tay bưng những rổ mận đỏ từng chùm từng chùm, miệng tươi cười mời khách. Đây mận Hồng Đào, mận Hồng Đào Trung Lương đây (Đặc sản Trung Lương là mận Hồng Đào). Đến Bến Lức những cô gái khác tay bưng tràng khóm chẻ màu vàng tươi, thơm mật với chén muối ớt đỏ hấp dẫn chạy cạnh bao quanh xe đò, hối hả mời gọi “Đây khóm Bến Lức, khóm Bến Lức đây”. Đến Bến Bắc Mỹ Thuận, hành khách không quên mua về Trà Vinh vài chùm nem chua Lai Dung, vài chục bánh phồng để làm quà cho người thân. Có lẽ không chỉ riêng dân Trà Vinh, mà chung cho dân miền Nam. Đi đâu xa về cũng nhớ đến người thân và mang vài món gì đó để tặng làm quà gặp mặt.

TÔN GIÁO: Ngoài tôn giáo chánh là Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Trà Vinh còn có đạo Cao Đài, Tin Lành.



*Một thánh thất Cao Đài lớn nhất tỉnh Trà Vinh
vừa xây xong năm 2005*

Đặc biệt dù là theo đạo nào vẫn thờ cúng tổ tiên, thờ cúng ông bà. Rất nhiều người theo đạo Thiên Chúa nhưng vẫn đi cúng vía Quan Công. Đạo Phật, Cao Đài vẫn đi cúng ở chùa Ông Bồn. Họ quan niệm rằng Ông Bồn là Thần Hoàng Làng, chung cho mọi người ở trong làng không phân biệt tôn giáo. Nhiều người thờ Ông Tà, Ông Rặc.





Chùa Ông Bón

NHỮNG NGÀY LỄ HỘI

Lễ Cầu An Bà Chúa xứ: Hằng năm vào ngày 11 và 12 tháng 5 âm lịch, tại xã Mỹ Long, quận Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh có tổ chức lễ hội lớn để cầu an còn gọi là Cúng Biển. Đa số cư dân là ngư dân, sống bằng nghề đánh lưới, hoặc đóng đáy ngoài biển khơi. Cuộc đời họ gắn liền với biển cả. Giữa trời nước bao la mới thấy mình là nhỏ bé, họ giao sanh mạng mình cho tạo hóa, cho thần linh. Dù không tin cũng chẳng biết làm gì với khả năng của con người quá nhỏ bé so với đại dương vĩ đại. Họ lúc nào cũng nguyện cầu cho sóng lặng, biển êm. Mọi việc đều được bình an vô sự. Lễ Cầu An là một lễ không thể thiếu đối với những ngư dân này. Lúc đầu chỉ có những ngư dân, dần dần tất cả dân địa phương đều tham dự. Tất cả đều nghỉ làm để tham dự ngày lễ trọng đại này. Buổi lễ diễn ra 2 ngày. Ngày 11 và 12/ 5, bắt đầu từ sáng sớm là hành lễ nghinh Chúa Xứ Nguyên Nhung với cảnh Quan Công, Châu Xương, Quan Bình mở đường cho phu kiệu đưa bà Chúa Xứ xuống thuyền. Những nhân vật trong

thời Tam Quốc này được mượn từ gánh hát bội, đôi khi từ Tỉnh bến Tre tới. Thuyền ra khơi có kèm theo hai thuyền đi hộ tống diễn hành ngoài khơi thật là ngoạn mục. Có vị pháp sư đọc phù chú trong lúc vị chánh bái quỳ tạ xin keo, khi được quẻ âm dương (1 sấp, 1 ngửa) coi như được Bà Cậu chứng giám thuyền mới quay về.

Đến chiều cùng ngày là lễ Tế Chúa Xứ Nguyên Nhung, có các hương chức đọc văn tế và lễ xướng. Trong dịp này có mục rất sôi động và sôi động là Lễ Múa Bông do các cô bóng từ các nơi về tề tựu về đây. Nhiều người gọi đây là “Đại hội liên hoan các bóng miền Tây” Vì họ tập trung được các cô bóng khổ luyện các điệu múa đặc biệt, vừa nghệ thuật vừa thần bí. Họ trình diễn say mê, không còn biết mình là ai, quên mình vì nghệ thuật, làm cho người thưởng ngoạn tưởng rằng mình đã lạc vào một thế giới khác. Nhiều người nói rằng có nhiều cô bóng này nay đã sang Thái Lan hành nghề trong đoàn múa bóng nổi tiếng tại Thái?

Ngày thứ hai là lễ nghinh ngũ phương. Lần này, kiệu đi đường bộ đi khắp bốn hướng qua chợ Mỹ Long và các ấp lân cận. Hai bên kiệu đi, theo tập tục thì nhà nào cũng đặt những chung muối gạo trước cửa với ý nghĩa cúng cô hồn, đừng cho chúng quấy nhiễu. Khi kiệu đi qua thì hốt muối gạo vãi ra ngoài, cũng là muốn đẩy các điều xui xẻo ra ngoài. Trên kiệu có một vị đóng vai Quan Thánh Đế, mặt đỏ, râu đen, tươi cười hai tay vẩy chào bà con lối xóm, chúc lành cho mọi nhà. Đúng Ngọ (12 giờ trưa) ban tổ chức cho đặt các lễ vật xuống một ghe nang (như là ghe thật) như heo quay, muối gạo, giấy tiền bạc... Vị pháp sư “Điều binh khiển tướng” xuống tàu mời Chư Vị Khuất Mặt ăn uống no say và tống khứ ra ngoài. Chiếc tàu giả dần dần trôi theo dòng nước. Chuông trống vang lên như đưa tiễn đoàn ma về âm cảnh. Nghe nói những đồ vật cúng tế này không ai dám ăn. Chỉ có bọn chần trâu chuyên nghiệp mới dám hó hé. Cũng nghe nói rằng, người nào chần trâu 3 đời thì có thể gọi chiếc tàu ma này ngược dòng nước tấp vào bờ theo lệnh của người mục đồng này?

Sau ngày lễ hội mọi người cảm thấy an tâm. Tin tưởng mãnh liệt rằng mọi chuyện không may không còn nữa. Mọi các đảng

cô hồn đã được tống xuất ra khỏi nhà. Từ nay được Bà Chúa Xứ Âm Hộ; ra khơi trúng mùa và bình an.

Những Lễ Hội của Người Khmer:

Người Khmer ở Trà Vinh có thể nói là 100% theo đạo Phật. Hàng năm họ thường tổ chức 3 lễ lớn chính: Lễ Chôl chnam thmay (Sang Năm Mới), lễ Ok Tom Bok (Cúng Trăng) và lễ Đôn Ta (Cúng Ông Bà).

Lễ Vào Năm Mới: (Chôl Chnam Thmay)

Lễ Vào Năm Mới, vào khoản tháng tư dương lịch. Người Khmer xem Tết Chôl Chnam Thmay là ngày lễ Phật Đản và cũng là lễ Tẩy sạch bụi trần. Vào ngày này gia đình nào muốn cho con em mình vào tu trong chùa thì cũng chọn ngày này. Theo âm lịch, một năm có hai ngày rằm trăng sáng nhưt. Một là rằm tháng tư và hai là rằm tháng tám. Rằm tháng tư là ngày Lễ Phật Đản và cũng là ngày Lễ Vô Năm của người Khmer. Họ đi chùa suốt ba ngày liền, đến ngày thứ tư trở đi họ mới đi thăm viếng chúc tụng lẫn nhau. Những trò vui chơi thường tổ chức trước sân chùa vào ban đêm dưới ánh trăng tròn. Những cặp tình nhân, những hẹn hò trai gái, những mối tình nảy nở thường bắt đầu vào những ngày Tết này. Những người Khmer tâm sự rằng ít có ai mà không có, dù không ít cũng có nhiều kỷ niệm trong đời vào ngày lễ đáng nhớ trong năm này.

Lễ Đôn Ta (Cúng Ông Bà)

Giống như lễ Vu Lan của Việt Nam. Lễ Đôn Ta diễn ra để nhắc nhở con cháu đang sống trên thế gian phải nhớ đến tổ tiên ông bà, cha mẹ. Cầu phước cho những linh hồn chưa được siêu thoát. Thường được diễn ra ba ngày từ 29/8 đến 1/9 âm lịch..

Ngày thứ nhưt, mọi người trong gia đình trang hoàng nhà cửa thật đẹp, quét dọn bàn thờ tổ tiên và chưng các trái cây bánh mứt, đặc biệt phải có hoa màu trắng để cúng ông bà. Họ khan váy, mời tổ tiên về dự lễ (Giống như lễ rước ông bà của người Việt Nam vào ngày 30 Tết)

Ngày thứ hai, họ đem theo và để tổ tiên ông bà ở lại chùa nghe các sư sãi tụng kinh, thuyết pháp và tổ chức vui chơi đến trưa mới đưa linh hồn về nhà.

Ngày thứ ba, nhiều nhà mời bà con lối xóm, sư sãi đến dự, tụng kinh niệm phật long trọng. Họ làm một mâm cơm cúng tiến ông bà. Khi cúng xong, những chén cơm được đổ vào một chiếc xuồng làm bằng bẹ chuối, trên có gắn hình cá sấu để tổ tiên mang theo. Chiếc xuồng nhỏ bé nay được thả trên kinh, rạch gần nhà. Tiếp đó là cuộc vui chơi cho đến - 24 -hết ngày. Lễ hội Đôn-ta đã góp phần vào kho tàng lễ hội truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Lễ hội OK Tom Bok

Ok Tom Bok có nghĩa là “ăn cơm đẹp”. Lễ này được tổ chức vào ngày rằm tháng 10 âm lịch hằng năm, nhằm tưởng nhớ và ghi ơn vị thần mặt trăng- Vị thần trông coi vụ mùa màng. Trong đêm lễ, trước sân nhà hay sân chùa, người ta dựng hai cây trụ tre, bên trên gác một cây sà ngang trông như một cái cổng tam quan có trang trí hoa lá. Dưới cổng để một mâm cúng gồm nhang đèn, bánh kẹo, chuối bươi, các loại trái cây. Khi ông trăng rằm vừa lên khỏi một tầm (Một tầm khoảng 3 thước) thì mọi người ăn mặt chính tề, đẹp để cùng tề tựu đông đủ nơi khuôn viên của chùa. Bắt đầu buổi lễ là lời cầu khẩn thành kính của vị trưởng lão trong sock. Ông cũng là vị chủ lễ chờ cho một tuần trầm hương cháy hết thì bốc cơm đẹp bỏ vào miệng của từng em, tay kia ông đâm nhẹ vào lưng và hỏi em bé ước muốn gì. Câu trả lời của các em là lời mong ước và là điềm báo trước cho vụ mùa sắp tới. Dĩ nhiên các em nhỏ này được dạy dỗ, chỉ bảo trước phải ngồi xếp bằng (bán kết già) thành hàng và sẽ trả trả lời những gì người lớn đã sắp xếp trước. Tiếp theo đó là những cuộc vui chơi, múa hát, đấu võ, kéo co, hát dù kê, hát rằm, múa làm thòl, hát tập thể Lămleo, Romvong...

Đến buổi chiều ngày hôm sau là hội đua ghe ngo. Ghe Ngo là thuyền gỗ độc mộc, người khmer coi ghe Ngo như là một vật linh thiêng, vì vậy trước khi ra thi, họ thường làm lễ tạ thần, thắp nhang khấn vái, sau đó chọn người điều khiển, người lái quân

cầm bơi. Mỗi đội đua có khoảng 40 đến 59 tay bơi. Cuộc đua diễn ra nghiêm trang và nay hào hứng. Khi pháo lệnh nổ, những chiếc ghe dài như con rắn khổng lồ, theo nhịp thúc quân bằng tiếng cồng của người đứng giữa ghe, cả mấy chục chiếc dầm giơ lên bỏ xuống nước rập ràng như những chiếc tay máy. Con rắn khổng lồ lướt trên mặt nước, lao vút như mũi tên bay theo hướng chỉ đường của những cọc tiêu cắm sẵn trên dòng sông. Tiếng hò reo cổ vũ náo nhiệt, tiếng trống vang động cả một vùng. Công chúng vẫy mũ, vẫy tay la hét, hoan hô vang dội cả dòng sông. Có những người leo lên cây, nhút là các trẻ em leo lên tận ngọn để quan sát. Có những người muốn nhìn rõ hơn lại lội xuống hai bên bờ sông.

Ngày xưa cách nay hơn hàng trăm năm, vào dịp lễ Ok Tom Bok, người khmer tổ chức đua ghe Ngo ở Vàm Tho (Pomken Tho) thuộc Mỹ Xuyên, vì ở đó như đã có hẹn trước từ bao nhiêu đời, các ghe Ngo từ Bạc Liêu, Sóc Trăng lên. Từ Cà Mau vùng Kiên Giang cũng lên thi đua. Đoạn sông dành cho cuộc đua khá thẳng, dòng nước chảy chậm và đều. Hai bên bờ thì nhà cửa dân cư đông đúc. Tất cả rất tiện lợi cho việc tổ chức cuộc đua. Đây là một sinh hoạt văn hóa vừa là thể thao, một truyền thống của dân tộc cho các tỉnh miền Nam có nhiều dân Khmer cư ngụ.

Lễ Dâng Bông

Mỗi khi “Phum”, sock cần xây dựng cầu, đường, trường học, sửa chữa hay tu bổ chùa chiền đều tổ chức dâng bông để quyên góp tiền xây dựng. Các sư sãi đọc kinh cầu nguyện, các địa phương mượn các đoàn hát dân tộc về biểu diễn, nhút là đoàn dù kê hay hát rằm. Dân trong sock nhộn nhịp, mỗi nhà đều làm một cây bông thật đẹp, có đề tên tuổi của mình và nhút là những đồng tiền mới để dành từ lâu dán trên cây bông làm cho bông thêm nhiều màu sắc giá trị. Để được hạnh diện cho gia đình mình, chủ nhà cố gắng thêm nhiều đồng tiền giấy mới nhút có giá trị nhút trên cây bông như là khoe với mọi người rằng: “Cây bông này cúng phật, tui đã tận hết sức rồi”.

Lễ Xà Mạ

Xà Mạ có nghĩa là khánh thành hay Lạc Thành. Người Khmer tin tưởng mãnh liệt rằng người nào càng dự nhiều lễ Xà Mạ thì được phước càng lớn. Nếu trong đời mà dự được 9 lần lễ Xà Mạ thì được phước cho cả giòng họ? Làm gì có 9 lần? Một lần là rất hiếm rồi. Vì thế mà ở đâu có lễ Xà Mạ là ở đó tập trung gần hết dân Khmer ở quanh vùng đến tham dự và hầu hết các chùa ở trong tỉnh đều cử một phái đoàn đến tham dự. Đông và nhộn nhịp không thể nào tả nổi ngày lễ này, vì biết bao lâu mới có một chùa mới ra đời để mà khánh thành, để mà làm lễ Xà Mạ. Hầu như mọi người Khmer đều đã được thông báo thời gian, địa chỉ để chuẩn bị trước hàng tháng trước khi có một chùa sắp làm lễ Xà Mạ. Đây là dịp làm phước, nên dù xa xăm đến đâu, kể cả bên Cambochia cũng cố tới tham dự.

NHỮNG ĐẶC BIỆT CỦA TỈNH TRÀ VINH:

Những đặc biệt của Tỉnh Trà Vinh thì nhiều lắm, không thể nhớ hết được, nhứt là trong khuôn khổ của một Đặc San. Trước hết phải nói là Chùa Miên.

1/. Chùa Miên: Nếu chùa tháp tượng trưng cho đất nước Cao Miên thì Trà Vinh là xứ của phật, xứ của chùa Miên. Tên tỉnh Trà Vinh do tiếng Khmer “Preas Trapeang” Trapeang đọc trại ra là Trà Vinh, có nghĩa là Chủng tử Phật- Đảo Của Phật. Hội Ái Hữu Trà Vinh lấy chùa Miên làm biểu tượng (logo) cũng đúng lắm. Vì Trà Vinh là tỉnh có nhiều chùa Miên nhứt.

Những nhà nghiên cứu trước năm 1975 cho rằng hồi thời cực thịnh Trà Vinh có tới 300 ngôi chùa Miên. Người ta đếm các nền chùa cũ và các ngôi chùa bị bỏ hoang phế.(Chuyện Đường Rừng của Huỳnh Văn Lang) Hiện nay còn khoảng 200 chùa Miên trong tình trạng tốt đẹp đang được dân chúng tu bổ và kiến thiết thêm.(Thống kê năm 1999).

Chỉ trong châu vi Thị Xã tỉnh Trà Vinh người ta có thể kể là chùa Ông Męk, chùa Phướng, chùa Kỳ La, Đầu Bờ, Tri Tân, Sock Cục, Bà Om, Nguyệt Hóa, Sum Bua, Hòa Lạc, Mặc Dồn, Chùa Hang, chùa Tầm Phương Tục truyền rằng khi đào ao lấy đất để đắp nền chùa, khi đào tới nước người ta đã tìm thấy

một tượng phật nhỏ có sẵn vội vàng thỉnh về chùa thờ (Chùa Ông Mệk?). Nói như vậy có nghĩa là tại đây đạo phật đã có trước đó từ lâu! (Trước khi cất chùa Ông Mệk).



Kiến trúc của cổng chùa

Cách cấu trúc chùa Miên thì tương đối giống nhau. Có những đỉnh tháp nhọn, cao hình ngọn núi Xôme và những tượng quen thuộc như Riehu, thần bốn mặt Mohabrom, chim thần Kâyno, Mahaknot. Chùa nào cũng có cổng chùa thật lớn và ngôi chính điện nguy nga. Trên các mái chùa thường làm nhiều tầng bằng ngói đỏ kiểu vẩy rồng (thường các ngói này phải nhập cảng), chỗ giáp các mái có tượng thần “KRUD” mình người đầu chim bay lên đỡ bốn mái chồng lên nhau bằng gỗ quý. Gỗ quý này cũng thường nhập cảng mới có phẩm chất tốt chịu được sương, nắng và thời gian.

Đa số người Miên theo đạo Phật Tiểu Thừa, không có nữ tu. Họ không ăn chay mà đi khất thực, dân trong sock cho gì phải ăn cái nấy và phải ăn cho hết trong bình bát. Vì thế các sư sãi khi đi khất thực phải lượng định bao nhiêu thực phẩm vừa đủ dùng mà thôi. Mỗi người dân trong sock phải đi tu; ít nhất một lần trong

đòi người là trước khi lấy vợ phải vô chùa để học đạo, học làm người, học cách cư xử với vợ, với mọi người trong nhà và mọi người chung quanh. Người thân trong gia đình khi đến thăm phải quỳ lạy người đi tu này, mặc dù là vừa mới tu, dù người đó là cha, mẹ. Ông bà vẫn phải lạy. Họ nói rằng, không phải lạy con cháu mà họ quỳ lạy chiếc áo vàng tượng trưng cho Phật. Ngụ ý rằng họ lạy Phật chứ không phải lạy người mang chiếc áo Phật?



Một chùa Miên ở Trà Vinh

Tổ chức trong chùa gồm Lục Cả- Sãi cả đứng đầu. Giúp việc cho ông có các ông sãi phó, gọi là Lục Nhì. Trong đó có ông phụ trách về giáo lý, hoằng pháp là Achar. Trong các sãi cũng chia làm hai bậc: Thứ nhất là thọ 227 giới gọi là Pikhu. Thứ hai thọ 105 giới gọi là Samane. Họ không bắt buộc mọi người phải đi tu. Kể cả những người đã đi tu rồi nếu muốn hoàn tục (Sắt= xuất) lúc nào cũng được. Nhiều ông tu từ cấp nhỏ tỳ kheo lên tới lục cả mà còn say mê sắc đẹp, mê nàng thiếu nữ trong sock nên phải từ giả chiếc áo vàng mà cưới nàng theo tiếng gọi của con tim. Thông thường những nàng thiếu nữ này là những người xuất

thân từ gia đình giàu có, trẻ và phải đẹp mới làm siêu lòng người đã từng tu hành lâu năm như vậy. Tỷ số dân đi tu cao nhất là trước năm 1975, vì đi tu được miễn quân dịch. Trong thời chiến, cảnh chết chóc xảy ra hằng ngày, đi tu vừa để lánh nạn vừa để tu thân, có lợi cả hai, nên chùa nào cũng đầy ắp sư sãi.

Chùa Miên là trung tâm sinh hoạt của mọi người dân trong sock, là trường học chữ từ thời nhỏ bé, nơi đi tu thời con trai để trả hiếu cho cha mẹ, nơi diễn ra các lễ hội truyền thống của dân tộc, nơi cất giữ xương cốt sau khi hỏa táng của ông bà, cha mẹ và người thân. Đi đâu xa về đều ghé vô chùa trước khi bước vô nhà. Chùa là tượng trưng cho con sock. Con sock nghèo thì chùa cũng nghèo theo

Chùa thì nhiều, khó có ai biết hết tên các chùa được, nhưng mà vài chùa được gọi là nổi tiếng và cũng là những nơi du khách thường viếng thăm như là một di tích lịch sử, một thắng cảnh, một kỳ quan nhỏ sau đây:

CHÙA HANG:

Là một ngôi chùa đẹp, cổ của Khmer thuộc xã Đa Lộc huyện Châu thành có tên là Kompong Chrây, nghĩa là “Bến Cây Đa”, nhưng ít còn ai nhớ tên thật của chùa mà tên khác dễ gọi dễ nhớ hơn là chùa Hang. Dở dĩ gọi là chùa Hang vì chùa kiến trúc đặc biệt giống cái hang. Cổng chùa xây thành vòm cuốn tròn, tường rất dày trông giống cái hang. Hai bên cổng chính là hai tượng “Yak” to bằng người thật. Yak là chằng tinh, mắt lồi nanh dài, mặc áo giáp trông rất hung ác nhưng được đức Phật cải hóa cho đi theo hộ pháp. Du khách đứng trước sân chùa có cảm giác như mình lạc vào nơi huyền bí xa lạ giữa ngôi chùa với mái ngói nhiều tầng thật cao. Trước khi vào chánh điện phải bước lên một nền cao hơn đầu người. Đi chung quanh chùa bằng lối đi cao bằng nền chùa này, du khách có thể nhìn bao quát cây cảnh đã được tạo dựng lâu đời như những hàng cây sao thẳng tắp được trồng ngay hàng thẳng lối, dù đứng phía nào cũng thấy nó mọc thật ngay.

CHÙA ANG (Angkorett Pali):

Nhiều người còn gọi chùa này là chùa Bà Om, vì chùa được xây gần ao Bà Om. Nhiều người gọi chùa này là chùa cổ vì nó rất cổ, rất xưa. Được xây năm 1040. Kẻ viết bài này tự hỏi : “Nếu chùa xây năm 1040 vậy ao Bà Om xây năm nào? Nếu ao Bà Om được đào sau khi xây chùa thì không thể gọi chùa xây gần ao Bà Om, mà phải nói ngược lại là ao Bà Om được đào cạnh chùa Ang?” Theo Ông Huỳnh Văn Lang nghiên cứu thì Công Chúa Ngọc Vạn có một thời gian đã về trú ngụ tại chùa này. (Công Chúa Sứ Giả-Tập Hai) Đây là một trong những ngôi chùa cổ nhất tỉnh Trà Vinh. Cách trung tâm tỉnh lỵ chừng 6 cây số trên một thế đất thật cao.



Chùa Ang – Hình chụp năm 2004

Bên ngoài tường của chùa chúng ta thấy có khắc hoặc xây những tượng hình tiên nữ xinh đẹp đội nón có chóp thật cao, những hình chảnh tinh trông thật ghê sợ. Bên trong chùa- Có lẽ chùa nào cũng trang trí bên trong tương tự như nhau- Những hình vẽ về sự tích Phật Thích Ca, những ao sen với mùa hoa nở

rộ, những thiếu nữ duyên dáng đang dâng cúng lễ vật cho Đức Phật. Các cột đều vẽ hình rồng cuộn tròn quanh chung quanh.

CHÙA CÒ (Chùa Nô dol)

Gọi là chùa cò vì có nhiều cò. Còn gọi là chùa Giồng Lớn vì tọa lạc trên con giồng cát lớn chạy dài từ Trà Kha Đại An qua Tà Rom xã Đôn Châu lên tận Sà Dầm xã Long Hiệp.



Chùa Cò lúc hoàng hôn năm 2004

Nhiều người Việt Nam không còn nhớ tên là chùa Nôdol từ khi chùa này có hiện tượng cò về đây sinh sống thật nhiều và được các sư sãi ở đây bảo vệ tối đa. Chùa được bao bọc bởi những rặng tre, những hàng dầu. Trên 3 mẫu đất thật yên tĩnh, rất thích nghi để các loài cò, diết, cúm nùm, công cộc, trích về đây làm tổ. Phải nói đông nhưt là các loại cò, mà nhiều nhưt là cò trắng, kể đến là cò ma, cò đầu vàng, cò đầu đỏ, cò mỏ vàng, cò mỏ đỏ, cò quắm... có lẽ gần đủ loại cò trong vùng đều đến đây mà xây dựng mái ấm. Người cư dân quanh vùng từ Trà Cú, Đôn Châu đến Long Hiệp đều thích thú ngắm nhìn bầu trời chiều với từng đàn, từng đàn cò đi ăn tận đâu đâu không biết, nhưng lúc hoàng hôn là bay về tổ, đó là Chùa Cò.

Người săn hình không thể nào bỏ quên cảnh những đàn cò vừa bay về đáp xuống trên những cành cây cao, từng cặp, từng cặp quăn quýt huyền luyến, quện cánh bên nhau. Thật là tình tứ thơ mộng. Người săn hình cũng không thể nào tránh khỏi cút cò từ trên cao “ĩa” xuống trên đầu, trên mình người săn hình. Kẻ viết bài này cũng cùng cảnh ngộ, bị “ĩa” trên đầu 3 lần dù chỉ chụp hình trong mấy phút! Cũng vui! Kỷ niệm!

Sau chùa còn có phòng dành riêng chăm sóc cho các chú cò bị bệnh, các con còn nhỏ bị rơi xuống đất. Lúc nào cũng có cò trên cây vì không phải con nào cũng bay đi tìm mồi. Có những con phải ở lại để chăm sóc cho con vừa mới nở. Có những con bị yếu sức hoặc bị bệnh bay xa không nổi. thơ thân dưới gốc cây chờ nhặt những thức ăn vung vãi, rơi rớt từ trên cây rơi xuống. Những âm thanh tíu tít của đàn con há miệng chờ mẹ mớm mồi. Những âm thanh “Quạt quạt” thất thanh của những con bị rượt đuổi vì tranh giành mồi hay tranh gái tạo một âm thanh rừng rú hỗn độn. Đúng là một xã hội loài chim.

CHÙA SAMRONG EK

Đây là ngôi chùa cổ, thuộc xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành, tương truyền được xây dựng từ năm 642 (Không có sử liệu rõ rệt nào nói về năm xây chùa này. Nếu thật được xây từ năm 642 thì là quá quá cổ?!) Chùa được trùng tu nhiều lần vì chùa quá cũ kỹ, bị hư hỏng, mới được xây lại năm 1850. Ngôi

chính điện được trùng tu năm 1944. Trong chùa còn lưu trữ một số tượng cổ Noria bằng đá quý và bia đá khắc chữ Khmer hay chữ Phạn. Quanh chùa có nhiều tháp là cỗ mộ cất những tro cốt của các vị trụ trì từ những vị tiền nhiệm. Theo ý người viết nếu muốn biết chùa này xây dựng năm nào thì cũng có thể biết được qua sự khảo sát các di vật còn sót lại. Định tuổi qua chất C14 thì sẽ biết ngay. Nhưng có ai làm chuyện này chưa?

Khi khảo sát chùa Miên, người viết đặt một dấu hỏi thật lớn về những bài viết của các tác giả nghiên cứu về nguồn gốc dân tộc miền Cửu Long Đồng Nai. Họ cho rằng trước khi Chúa Nguyễn mang một số dân từ Bắc, Trung vào miền Nam khai khẩn đất đai thì chỉ có một số ít dân Khmer sống thưa thớt quanh vùng Tây Ninh mà thôi!?. Sự thật thì đa số chùa Miên ở Trà Vinh được xây trước hơn 400 năm nay. Có những chùa lâu gần 1.000 năm, từ thời hưng thịnh của đế quốc Chân Lạp. Với số lượng chùa cả 300 ngôi, chiếm trọn gần hết các con giống. Vậy tại sao nói rằng chỉ có quanh vùng Tây Ninh và thưa thớt! Thiết nghĩ dân số Chân Lạp ở Trà Vinh bằng hoặc hơn tổng số dân Chân Lạp các tỉnh Đồng Nai Cửu Long cộng lại mới đúng.

Thiết nghĩ người Chân Lạp vì nội chiến liên miên và họ đã thấm nhuần Phật Giáo. Họ không quan trọng chính quyền, không màn chính trị, bất chấp cả triều đình nào, miễn sao được yên ổn làm ăn, tự do tu hành là được. Trà Vinh là vùng đất hứa, vùng đất đủ các điều kiện trên. Từ trước đến nay, chính quyền nhờ họ,



chờ họ không nhờ chính quyền. Họ chỉ nhờ có chùa. Chùa là tất cả. Tổng Thống nói họ không nghe, mà ông Lục Cả nói gì thì họ nghe cái này!

Ông Lục Cả là Tổng Thống của dân trong Sock

Nhà cửa sập xệ không sao, có tiền bao nhiêu thì cúng chùa bấy nhiêu. Làm phước mà. Tứ đại giai không càng tốt. Tất cả đem vô chùa là dành lại cho đời sau. Đời sau mới quan trọng, còn đời này là tạm bợ mà thôi, Đó là quan niệm sống của nhiều người Việt gốc khmer.

Về số dân, nếu tính trung bình một chùa là 500 hộ (nhà), mỗi nhà trung bình có 2 vợ chồng và 1 con thì $500 \times 3 = 1500$ con sock. Vậy $300 \text{ chùa} \times 1500 \text{ người} = 450.000$ người. Số người này đã sống đều đặn rải khắp hơn 100 con giồng. Không một con giồng nào mà không có chùa Miên ở Trà Vinh. Vậy tại sao gọi là một số ít và thưa thớt? Nếu so sánh mật độ dân chúng và số lượng của chùa vào thời điểm đó, thì trên thế giới còn có chỗ nào đông hơn? Có chăng là so sánh với hiện giờ. Hiện dân số chỉ tính Sài Gòn thôi, cũng là hơn 8 triệu?! (Thống kê năm 2005)

Con số thống kê thời Pháp thuộc dân số miền Nam có 4 triệu người. Trước đó 50 năm, thống kê chỉ có 700.000 người? Sự cách biệt con số quá xa, vậy con số thống kê nào đáng tin cậy hơn!?

DỪA NƯỚC

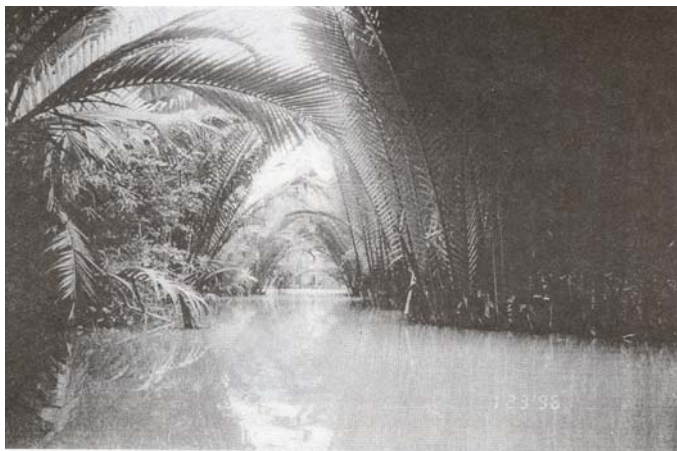
Dừa nước thì các tỉnh nằm sát miền biển đều có. Nhưng tỉnh Trà Vinh thì dừa nước mọc thành rừng. Đám lá tối trời ở Gò Công, nơi Ông Trương Công Định làm căn cứ và tuần tiết mà so với rừng dừa nước ở Trà Vinh thì là quá nhỏ.

Những quày dừa khi già đi, trái sẽ rụng xuống nước, nổi lềnh bềnh và nảy mầm tự nhiên mọc lên, làm cho rừng dừa càng ngày càng rộng lớn ra. Không có ai trồng dừa nước cả. Rộng lớn như là những khu từ quận Cầu Ngang đi qua Duyên Hải.

Công dụng của dừa nước:

Có lẽ đã trải qua nhiều thế hệ, đời này học hỏi đời kia và truyền mãi về sau nên tạo một lối sống độc lập, không nhờ vả lối sống văn minh của người nông thôn Trà Vinh. Khi biết được họ

ứng dụng những công dụng của dừa nước thì mới phục những đầu óc thật tài tình nào đó đã nghĩ ra.



Lọp nhà: Các vùng có dừa nước thì người dân lọp nhà bằng lá dừa nước. Cái khác hơn giữa Tiền Giang và Trà Vinh là Trà Vinh lọp nhà bằng “lá chằm”. Các lá được kết lại “Chằm” bằng lạt dừa và một cái hom bằng sổng lá dừa để khô (Khoảng 2 thước). Nhiều người kể cả trẻ em và phụ nữ làm nghề chằm lá. Lá chằm được xuất Tỉnh bán cho các tỉnh lân cận và cả đến nước Cao Miên cũng nhập cảng lá chằm từ Trà Vinh. Trước năm 1975, hằng tuần đều có những chiếc ghe chở lá chằm ngược dòng sông Cửu Long lên tận Nam vang để bán. Có lẽ các vùng ảnh hưởng Khmer biết lọp nhà bằng lá chằm?! Còn vùng Tiền Giang thì họ lọp nhà bằng lá xé. Người dân chỉ đốn lá và xé ra làm hai, phơi khô thì lọp nhà được. Cái khuyết điểm lá xé là sườn nhà phải chắc chắn. Đòn dong, đòn tay phải cứng mới chịu nổi sức nặng của nguyên tàu lá. Còn lá chằm thì nhẹ hơn nhiều, lọp nhà mau hơn nhiều.. Khi dựng nhà người dân chỉ dùng một nguyên liệu duy nhất là cây lá dừa nước. Dây để cột các đòn tay, cây ruồi, các cây làm vách cũng cột bằng dây sổng lá (Sổng lá chẻ ra lấy lớp mỏng bên ngoài). Còn lọp nhà thì dùng lạt (Lạt lấy từ cùi bắp - tàu lá còn non). Khi lọp nhà thì được phân công

từ 4 đến 8 người trên nóc nhà, sắp hàng ngang nhau chờ vài người ở dưới đưa lá lên. Thời đại văn minh hiện giờ, nhà lá sẽ biến mất để nhường chỗ cho nhà tường mái ngói, hay ít ra cũng là mái thiếc!?

Sà bịt: Ở thành phố người ta đựng quần áo trong rương, trong tủ. Những người nông thôn nghèo nàn này đựng trong sà bịt. Sà bịt làm từ lá dừa nước kết lại với nhau bằng những cộng lạc dừa. To, nhỏ tùy nhu cầu. Người khéo tay có thể làm một cái sà bịt nhỏ bề ngang từ 1 dm (1 tấc) và cũng có thể làm một cái lớn bằng cái tủ để được nhiều đồ. Hoặc làm nhiều cái chồng lên nhau như là một cái kệ. Hồi còn nhỏ tôi từng thấy nhiều người xách sà bịt đi chợ thay vì xách giỏ.

Sà di: Người miền duyên hải dùng sà di để bắt cá, nhưt là cá thòi lòi. Cách làm sà di rất đơn giản. Chỉ cần từ 5, 7 lá dừa nước kết lại, một đầu bẻ ngược lại, công dụng như là một cái “hom” (một cái valve, vô được mà ra không được). Khi cá vô rồi thì bị kẹt ở trong không thể nào ra được. khi nước ròng cá thòi lòi thấy dạng người ta thì lập tức chui vài hang. Như vậy người bắt cá đã biết hang nào có cá và đặt sà di vào miệng hang cá đó. Khi đặt xong chừng 5, 7 hang sẽ quay lại từ đầu mà lấy sà di ra. Cá thòi lòi ở trong hang lâu không được, phải chùng ra khỏi hang, nhưng ra thì lại chui vào sà di, không thể nào ra được. Người ta chỉ cần gom các sà di lại mang về nhà. Cái ưu điểm của cách bắt cá này là cá còn sống nguyên vẹn. Đến nay không biết người dân vùng duyên hải còn dùng cách bắt cá này không. Hay là nó đã quá lỗi thời, nhưng vì tìm hiểu đời sống địa phương, sợ rằng mai một, không ai ghi chép thì sẽ từ từ quên đi.

Cái Gào: Cái gào múc nước bằng lá dừa non (Cây lạc dừa vừa nở ở đầu ngọn). Cách thức làm không phải dễ, vì phải uốn từng chiếc lá; kết lại bằng những mép tự nhiên của nó. Phải thấy tận mắt từ đầu tới cuối và được hướng dẫn mới làm được; chớ không một ai mà thấy chiếc gào rồi tự mình làm được? Khi văn minh chưa tới, người dân ở đây múc nước bằng gào từ giếng. Tôi đã thấy tại mỗi miệng giếng lúc nào cũng có một cái hoặc hai cái gào sẵn sàng cho mọi người tới để múc nước. Có những trẻ con múc nước lên tắm tại chỗ, không cần gánh về nhà để đỡ tốn

công người lớn. Tại các chùa miên thì trên miệng giếng nào cũng có sẵn 3, 4 cái gào để mấy ông lục tắm và giặt giũ tại miệng giếng. Ở nhà người ta cũng dùng thứ gào này nhưng nhỏ hơn. Trên ghe, xuống lúc nào cũng phải có sẵn gào này để tát nước trong xuống trong ghe ra. Tôi cũng đã từng chứng kiến nhiều nhà treo gào này để lọc nước tro dùng gội đầu và giặt quần áo thay sà bông.

Tóm lại người dân địa phương tận dụng toàn bộ cây dừa nước một cách tài tình, từ lá non, lá già, sớng lá, bấp dừa... Lá non được gọi là cùi bấp, sau khi lấy phần giữa là lạt, người ta dùng để bao bọc bánh dừa. Bánh dừa rất phổ thông ở miền Nam Việt Nam. Nguyên liệu chính là nếp. Nếu để nhưn là chuối ta gọi là bánh dừa nhưn chuối. Có thể làm nhưn là đậu, là bánh dừa nhưn đậu... Lá non người ta còn làm các đồ chơi thật xinh đẹp như là thắt hình con cầu cầu, con chim, các giỏ xách tay. Còn lá già có thể làm cây quạt, chong chóng. Một thứ bánh rất ngon đó là bánh lá. Dùng lá già chặt từng khúc, lau sạch, tráng một lớp bột gạo thật mỏng đem hấp. Trộn với nước cốt dừa thêm một ít muối, một ít đường thì đã có một món bánh ăn vừa béo vừa mặn mặn, ngọt ngọt rất ngon. “Mà hình như dân Tiền Giang không biết làm thứ bánh này, vậy bánh này có phải phát xuất từ Khmer không?” Sớng lá công dụng chính là làm “Hom” để chằm lá. Chặt từng khúc làm hàng rào, củi để chụm. Vỏ ngoài làm giầy để cột, để thắt giỏ đựng cá, đựng tôm.

Trái dừa nước: Ngoài công dụng để ăn ngon miệng, cái vỏ còn phơi khô để làm củi chụm. Cùi dừa để làm cây phất trần, lâu năm người ta cầm mòn tay, gọi là lên nước, bóng láng rất đẹp, dùng để đập muối, quét bụi. Trong thời chiến, dân địa phương dùng các quày dừa này chặt đóng làm thành các hầm trú ẩn pháo kích- thật là an toàn và nhanh chóng. Chỉ vài tiếng đồng hồ là xong ngay. Nếu làm bằng đất thì rất lâu và chẳng an toàn bằng.

Bấp Dừa: Những người mới tập bơi, tập lội dùng bấp dừa như là một cái phao, một phương tiện hữu ích để qua các con sông nhỏ. Nhiều bấp dừa kết lại thành một cái bè. Các trẻ con dùng các bấp dừa nhỏ làm súng bắn,...

Sở dĩ nói dài dòng về công dụng của dứa nước vì nó đã ăn sâu vào tiềm thức của dân địa phương. Nếu bỏ qua thì sợ rằng sẽ mai một và thiếu sót trong việc nghiên cứu văn hóa có tánh cách địa phương chí?

VÀI CÁCH BẮT TÔM CÁ:

Trà Vinh là một trong những tỉnh cá tôm nhiều và có lẽ ảnh hưởng của người Khmer nên có cách bắt tôm cá có phần đặc biệt.

Sà ngôm (Chà ngôm): Sà ngôm đưng bằng tre, kích thước lớn nhỏ tùy theo nhu cầu. Tất cả giống nhau là có một miệng “hom”, khi cá tôm vô rồi thì không thể nào ra được. Cái lớn thì để đặt ở miệng “đập”. Đập là một cái bờ chánh bao chung quanh thửa ruộng. Mục đích để giữ nước và cá tôm sanh sản. Một năm mới khai đập một lần. Khi khai đập thì cả xóm hoặc cả làng được nhờ. Những người chủ bắt tôm cá đi trước, những người khác theo phía sau (Gọi là bắt Hôi). Chủ thì chở tôm cá đầy cả xuồng cả ghe, còn người bắt hôi cũng đầy giỏ. Phần nhiều là cá lóc, cá trê, cá nâu, tôm càng... “Hôm nay anh là chủ khai đập, tôi đi bắt hôi, ngày mai, tôi khai đập, tôi sẽ là chủ mời anh đi bắt hôi”. Ngoài một năm khai đập một lần đó, hằng ngày người ta còn đặt sà ngôm để kiếm ăn mỗi bữa; đa số là tôm đất (địa phương gọi là tép đất). Còn dư thì đem ra chợ bán. Mùa khai đập, khai đập cũng có mùa, thường là trước Tết. Vào mùa này cá tôm rẻ như bèo. Dân địa phương thường làm mắm cá lóc trong mùa này, nhiều nhà làm cả chục mái (Mái lớn hơn khạp) để sang năm ăn. Không phải đợi tới ngày khai đập mới thu huê lợi tôm cá mà chủ đập còn hưởng hàng ngày qua cách đặt sà ngôm. Lợi dụng nước chảy siết của thể nước cao bên trong ruộng và nước ròng thật thấp; chủ ruộng khai một mương nhỏ để dành riêng cho việc đặt sà ngôm. Sà ngôm này phải có cái miệng thật lớn để hứng cá tép từ bên ngoài vào. Cách này khó bắt được cá lóc, chỉ bắt được cá kèo, tép đất, tép bạc và các loại cá nhỏ mà thôi.

Ở ruộng nước ngọt (Đồng ruộng giữa hai con giồng cát) thì nước không chảy, người ta dùng cái “Plong” (Cũng là một kiểu sà ngôm nhỏ). Thường sau khi cấy xong (Tháng 6, tháng 7)

lượng nước dâng cao khoản đầu gối, người ta bắt đầu đi “plong” = Đi đặt sà ngôm nhỏ. Cách đặt cũng rất dễ. Dùng cám rang cho thơm nhồi chung với đất sinh mà làm mồi. Đặt sà ngôm ở khoản trống giữa các bụi lúa, để mồi vô, nhớ đập nắp lại. Tiếp tục đặt cái khác. Người ta có thể đặt sà ngôm này bất cứ ở thửa ruộng nào, không cần biết chủ ruộng là ai. Chim trời cá nước mà! Người ta yên tâm mà để sà ngôm tại chỗ và dờ đi tùy ý muốn. Không ai tham mà ăn cắp mấy cái sà ngôm nhỏ bé, rẻ mạt này. Mỗi ngày một hai lần thì đi “Đổ sà ngôm”, có nghĩa là lấy giỏ, hoặc thúng trút sà ngôm xuống, lấy tép mòng tép muối đem về. Thật ra tép mòng là tép muối mà dân Tiền Giang gọi là tép trứng, hình thù nhỏ nhoi, nhỏ bằng một phần ba đầu đũa, xinh xắn; dù nhỏ nhưng đã có trứng rồi; màu xanh trong như thạch ngọc rất dễ thương. Người giở sà ngôm lên nghe tiếng tép mòng nhảy rồ rồ nghe thật là rạo rục trong lòng. Một cái sà ngôm có thể có chừng một tô hay một lit tép mòng.



Tép mòng làm gì ăn? Phổ thông nhất là làm mắm, gọi là mắm bò ọt = ”Bờ-ọt”, màu mắm hồng hồng so với mắm tôm chua làm bằng tép bạc hay tép đất thì mắm bò ọt đậm đà, ngon hơn

nhiều. Có lẽ vì nhỏ con, vỏ mềm, ăn vô miệng cảm thấy “phao” làm sao! Cách ăn mắm cũng đơn giản; dù người nào chưa từng ăn mắm, dù người ăn mắm khó tánh cách mấy, đã từng chê mắm sặc, mắm lóc, mắm ba khía, mắm tôm chua, mắm ruốc... ; khi ăn mắm bò ót thì phải khen ngon ngay, vì khi đói bụng lục thấy cơm nguội và mắm bò ót thì đã đủ rồi. Mắm bò ót ít có mùi mắm nếu so với các mắm khác, và vị ngọt của độ đậm cao nên ăn mắm bò ót không cần phải đi chung với các món khác. Tuy nhiên muốn rườm rà hơn- Nhiều người thích rườm rà thì ăn như là ăn mắm tôm chua. Như là trộn thêm đu đủ, củ riềng, ăn bún tôm thịt với rau sống. Cách ăn đặc biệt của món này là “Ăn Lọt Le” (Xi chroc le) tiếng khmer. Người dân quê ở Trà Vinh không ai mà không từng ăn món ăn thích khẩu này. Món ăn đủ gia vị nào chua chua của khế, chan chát của chuối hột còn non. Cay nồng của ớt hiểm, vừa ăn vừa hí hà vừa chảy nước mắt mới ngon! Phải có thêm dọt sộp cho chát chát bùi mới đủ vị. (Dọt sộp giống như lá xoài non, ăn chung với các loại mắm nào cũng ngon). Theo người viết đây là món ăn đủ dinh dưỡng, đủ vitamin và ít chất béo mà khi ăn no lúc nào cũng chưa biết. Món ăn khác của tép mòng là khi mới đổ sà ngôm về, tép còn tươi, còn nhảy nhảy đổ đại vô nồi (soong, chảo cũng được), đập nắp lại. Không cần bỏ thêm một gia vị nào hết, cũng không cần bỏ thêm một miếng nước; khi tép vô nồi thì nước của nó ra cũng đủ làm chín. (đây là cách luộc không đổ nước). Trong khi luộc thì chuẩn bị rau sống, và đừng quên lá mả đề. Ruộng nào có tép mòng là có lá mả đề mọc. Mả đề giống như cải sà lách, nhưng thật mỏng lá, dòn và lúc nào cũng non vì mọc ở dưới nước. Khi tép mòng vừa đỏ thì ăn được rồi. Đem ra cuốn với rau sống, mả đề và chấm với chính mắm bò ót thì ngon không còn gì bằng. Người dân ở đây thường luộc tép mòng, phơi khô để dành ăn quanh năm. Món ăn tép mòng này cũng khá phổ thông, nhưng báo chí ít đề cập tới?

Sà Neng: Dụng cụ bắt cá bắt tép này cũng không thấy ở nơi khác mà rất phổ thông ở Trà Vinh. Sà neng hình giống cái ky nhưng lớn hơn, dài hơn, hình dáng thon gọn, thanh tú như một thiếu nữ; được đưng bằng cật tre, khi dùng lâu ngày trở nên màu nâu đen, bóng láng. Ở sock Miên thường nhà nào cũng có một

hoặc hai cái để sút tép. Thường để cho các thiếu nữ xúc tép. Ít có đấng mày râu nào dùng sà neng. Đấng nam nhi chí chí thì dùng cái nôm để nôm cá.

Cái nôm: Đương bằng cật tre bóng láng, đầu được chụm lại và bọc bằng rễ tre nhẵn nhụi để cầm cho êm tay. Ngày xưa nhờ cá thật nhiều, dùng tay bắt cá cũng được nhưng khó hơn. Người ta nghĩ ra cái nôm để chụp cá lại. Cá dính trong nôm, sau đó dùng tay bắt cá ra. Thường là bắt cá lóc. Người đi nôm thấy cá lội phía trước, phải nhanh mắt, nhanh tay, chặn đầu cá mà nôm cho dính cá vào nôm.

Tát đĩa: Đĩa cũng giống như cái ao, nó sâu hơn và thường người ta để thêm các

nhánh cây (chà) cho cá ở. Tùy theo cách cắm chà mà được nhiều cá hay nhiều tôm. Đĩa nước sâu thì có nhiều tôm càng hơn đĩa cạn? Hai cái đĩa cùng chung một cánh đồng, mà một cái thì có nhiều cá, không một con tôm nào. Cái đĩa khác thì ngược lại rất nhiều tôm càng! Cánh đồng ruộng giữa hai con giồng sau mùa gặt là khô ráo, đất khô cằn, nứt nẻ, tát cả nước đều rút xuống đĩa. Vì vậy mà tôm cá đều tập trung vào đĩa. Muốn bắt tôm cá phải tát nước ra gọi là tát đĩa.

Tát đĩa phải dùng gào sòng, còn gọi là gào dai có người gọi là gào nang, đươn bằng nang tre. Miệng gào thì lớn nhưng đít thì xẹp và nhỏ, hình chữ v. Ít nhất phải hai người hai bên ăn nhịp với nhau, nếu mệt thì thay người khác; luân phiên, liên tục. Nếu ngưng tát lâu thì nước mọi chảy ra, làm chậm trễ ngày giờ.

Đến đây, nhiều người đặt câu hỏi. Cánh đồng đều khô nước, đất nứt nẻ, cá tôm trong các đĩa đều bị bắt hết, vậy đầu mùa mưa cá tôm từ đâu mà sanh ra? Ở các chùa Miên cũng có đĩa để nuôi cá và cũng tát đĩa để bắt cá, nhưng thường để lại vài con cá lóc làm giống cho năm sau. Ông lục làm dấu ở đuôi, ở mình để cho





Gàu sòng tát nước

dân trong sock biết. Khi mùa mưa đến, chính những con cá giống này và những con ở các bọng sâu trong các đĩa còn tồn tại từ năm trước (Nhiều người cho là khó mà bắt hết được cá ở trong các bọng) là nguồn sản sinh ra

lượng cá cho cả năm. Cá giống càng lớn thì đẻ con càng nhiều. Vì vậy dân trong Sock khi câu được, nôm được con cá giống này đem lại vô chùa. Ông lục sẽ thưởng. Nếu không có thưởng thì nhiều người khi bắt được cá giống này đều tự động thả nó ra, không cần phải đem về chùa, uống công. Cái lạ là dân trong sock phân biệt được cá giống nào thuộc về chùa nào và rất tôn trọng luật lệ không bắt những con cá giống này. Cái đặc biệt nữa là các con cá giống này khi mùa nước lên menh mông sẽ đi khắp cánh đồng (chu du) nay bị người này bắt ở chỗ này, vài hôm sau bị bắt ở chỗ khác. Khi nước rút xuống thì biết đường về chỗ cũ, cái đĩa mà hằng năm đến tạm trú và được bảo vệ. Các ông lục điểm danh từng con. Nếu thiếu mấy con thì phải chừa lại làm giống thêm mấy con cho đủ số. Có con lớn nặng phải hơn 2 ký lô. Khi đẻ trứng, nở ra cá con gọi là lòng rỗng, có bầy lớn cả hơn một rổ? Cá mẹ nhỏ thì bầy lòng rỗng chỉ khoản một chén. Một bay lòng rỗng không biết bao nhiêu con mà kể. Cá mẹ nếu đói cũng ăn thịt con, muốn bảo vệ bầy lòng rỗng phải nuôi riêng hoặc cho cá mẹ ăn đầy đủ. Cá long rỗng có màu hường ửng đỏ. Khi lớn hơn một chút thì đổi thành màu xám, hơn một tháng tuổi gọi là “Cầu Cứng”. Cầu cứng lớn rất mau, chỉ vài tháng là trưởng thành.

Tát đĩa là buổi sinh hoạt thật nhộn nhịp, được phân công rõ rệt. Các trai tráng là nhân vật chánh được lựa chọn từ nhiều tuần trước. Không phải ai cũng biết cầm gàu sòng tát nước được đâu. Ngoài mạnh khỏe, bền sức, kinh nghiệm mà còn phải ăn ý với

nhau nửa. Thật nghệ thuật, gào phải ở thế cân bằng giữa hai người. Phải để ở thế nghiêng hơi úp xuống khi xuống đĩa để mức nước lên. Khi đưa lên phải ở thế nằm ngang cho nước khỏi đổ ra ngoài và khi ra khỏi đĩa thì phải ở thế nằm nghiêng để đổ nước ra. Anh Hai Queo ở Trà Vinh tả cái cử chỉ, cái thao tác của hai người tát đĩa như sau: "... khéo tay, nhịp nhàng giữa hai người và nhứt là cái lưng phải dẻo dai và cứng cựa vì phải khum lên khum xuống, nhứt là khi nước cạn gào sâu. Người chuyên nghiệp hơn thì rùn đầu gối xuống để cho lưng đỡ mệt hơn..." Trước khi tát đĩa, phải lo nhỏ chà và chuẩn bị các thứ đồ nghề như nôm, sà neng, lưới kéo, giỏ đựng cá. Cũng đừng quên thức ăn trưa và rượu để để nhắm nhai trong bữa ăn được xem là mừng ngày tát đĩa. Tôm càng nướng, cá lóc nướng trui tại chỗ chấm với mắm bò ốt là món mời chánh không thể thiếu cho mấy ông nhậu. Cá trên, cá thác lác, cá sặc không ai thèm ngó tới mấy ngày tát đĩa này. Khi gia đình chủ đĩa bắt cá xong là lúc thật vui cho bọn con nít - Bắt hôi.

Hôi của thì có tội, nhưng hôi cá thì tự do. Cái phong tục hay cái tập quán của người miền Nam mà ít báo chí nào đề cập đến là "Bắt Hôi". Cái thật vui của tụi con nít có khi cả người lớn cũng có, là đợi là chờ cho tới khi người chủ mỉm cười ra dấu "Free" là bắt đầu tự do hành động. Có đứa được đầy giỏ vui vẻ ra về; cũng có đứa chậm tay, hay còn nhỏ quá không bắt được con nào cũng được mấy ông chủ tốt bụng tặng vài con đem về cho gia đình. "Quen mà, nó là con của..." thế là thằng nhỏ được tặng thêm vài con làm con mắt nó sáng rụt, gặt đầu tạ ơn."

Vòng Hái: Là dụng cụ đặc biệt để gặt lúa. Vòng hái có 2 đầu hình chữ S. Một đầu dùng để ngoéo gom lúa lại. Đầu kia



có gắn lưới liềm để gặt lúa. Các vùng ảnh hưởng văn hóa khmer mới có loại vòng hái này.

Sau khi khai đập cũng bắt hôi. Sau gặt lúa là đi mót. Có những người không làm ruộng mà đi mót lúa cũng đủ ăn quanh năm. Xứ của tự do dư dả, trời cho.

Cây lúa: Trời mưa vừa ngập nước, đất chưa đủ mềm, đa số người nông dân Trà Vinh phải dùng “nọc” để cấy lúa. Dụng cụ để cấy lúa “nọc” này chỉ thấy những nơi có người Khmer cư ngụ. Phải chăng là nó phát xuất từ Cambochia?

Các món ăn:

Bún nước lèo - “si nùm chock” là nước lèo nấu bằng mắm bò hóc. Cùng là bún nước lèo của người Khmer, nhưng nước lèo của tỉnh Trà Vinh có phần khác hơn của tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Nếu ta để ý thì sẽ thấy nước lèo của Bạc Liêu thì trong hơn. Còn ở Trà Vinh thì người bán bún phải quậy nước lèo từ đáy nồi lên để lấy cá chan lên tô bún. Rau ghém thì đa phần là bắp chuối và dưa leo. Vài nơi còn thêm hẹ, giá sống và rau thơm. Ăn bún nước lèo ở Trà Vinh phải có chén muối ớt và vài trái ớt hiểm mới phải điệu!

Canh Xiêm Lo: Giông giống như canh tập tàng ở Tiền Giang. Nhưng nấu bằng mắm bò hóc, cá (Có cá nào nấu cá nây, như cá trê, cá lóc...) bầu non cắt mỏng và rau (Rau nào nấu cũng được, nhiều thứ càng tốt. Như bò ngót, bình bát, đọt bí rợ...)

Mắm Chao Cá Lóc: Cá lóc được làm mắm để ăn quanh năm. Khi cần thì chỉ đem một con mắm để vô tô, đặt vô nồi cơm. Khi cơm chín thì mắm cũng vừa chín. Dùng dưa leo và rau sống chấm với nước mắm này cũng đậm bạc qua ngày.

Mắm Ba Khía: Có lẽ các tỉnh ven biển đều có mắm ba khía. Vào đầu mùa mưa, người Trà Vinh sống ở ven biển rất thích thú đi bắt ba khía hội. Lạ lùng thay cho ba khía hội. Từng chùm, từng chùm ba khía ở dưới gốc mắm, gốc bần tha hồ mà hốt lên xuống. Dùng danh từ hốt đúng hơn là bắt, vì không cần phải bắt từng con như những ngày thường. Rất nhiều người thích ăn cơm với mắm ba khía trộn với xoài sống.

Mắm Rươi và nước mắm rươi: Là đặc sản của Tỉnh Trà Vinh, nhưng chỉ có vùng duyên hải mới có. Ít thấy bán trên thị trường. Nước mắm này chỉ để tặng cho người thân mà thôi

Rạm Rang Muối: Cũng đầu mùa mưa, nước mưa làm ngập các hang của rạm, làm nó chơi voi, rời khỏi hang mà trôi theo dòng nước. Các nơi đặt chà ngôm phải đi “giở” thường xuyên vì quá đầy, nếu không sẽ bị bể sà ngôm luôn. Các miệng đáy cũng rất khô sớ ở mùa này vì rạm ời là rạm. Rạm làm rách cả miệng đáy. Mùa này là rạm có gạch son, chắt nịch. Người thành thị thích ăn cua rang muối, nhưng người sành điệu nói rằng gạch của con rạm rang muối ăn ngon hơn nhiều. (Đừng hiểu lầm con rạm là con công, là con ba khía, là con bạch nha...)

Cá Kèo Kho Gọt: Cũng gọi là cá kèo kho mặn, cá kèo kho lạt. Người dân quê giải thích rằng cá kèo từ trong sà ngôm vừa đổ ra thì rất tươi, không có một chút nhớt nào. Khi cá kèo có nhớt là nó đã bị ở trên bờ rất lâu, vì muốn bảo vệ sức khỏe của mình nên cơ thể của nó tự tiết ra chất nhớt bên ngoài để chống sự khô khan mà sinh tồn. Rất đơn giản, người dân dùng cá kèo vừa mới đổ sà ngôm mà kho gọt. Không cần phải chặt đầu, chặt đuôi hay mổ bụng gì cả.

Càng Cuồng: Nước mắm ớt có trộn với con càng cuồng có mùi rất đặc biệt. Có nhiều người nói rằng không có mùi càng cuồng thì nước mắm không thể nào ngon được. Thiêm ba của tôi nói: “Chú ba mày ghìen cái mùi càng cuồng lắm. Không có không được, mà con càng cuồng thì mùa mưa mới có. Chú ba mày để dành mấy chai nước cốt để ăn quanh năm. Có lần cháy nhà, không xách đồ đạc, không xách cái gì ra khỏi nhà, chú ba mày chỉ xách mấy chai nước cốt con càng cuồng mà thôi.”

Bánh Cống: còn gọi là bánh ống. Bột gạo trộn với dừa, một ít đường nhận vô cái ống rồi hấp.

Bánh nộm cô: Hình dáng giống bánh ích, nhưng nguyên liệu chính là bột gạo chớ không phải nếp, thường là nhum đậu xanh và trộn với dừa.

Bánh Tét: Cũng là bánh tét thường dùng của mọi người Việt Nam. Nhưng ở đây vào ngày Tết Miên thì họ làm thật nhiều để cho mọi người có thể có được. Nhiều khi dư quá nhiều thì Ông

Lục đem nhận xuống đĩa, xuống ao sen, chùng nào cần thì đem lên ăn. Ở dưới nước sâu và có độ lạnh như trong tủ lạnh lại không có vi khuẩn, vi trùng nào thì làm sao mà hư được. Kinh nghiệm sống dạy họ cũng là một cách rất khoa học.

Bánh Mặn: Giông giống như bánh đúc, nhưng là bột gạo, hơi lỏng và mềm hơn. Trên mặt là tôm băm trộn với củ sắn, thường có màu đỏ đỏ. Khi ăn phải sắn từng miếng mỏng từ trên xuống và chan với nước mắm.

Bánh Lá, Đọt Le: Như đã đề cập ở phần trước.

Các món ăn cũng khá đặc biệt như trái Quách; thịt trái quách trộn với một ít đường thốt nốt và một ít nước đá bào. Những thập niên trước các cây quách chỉ có trong các chùa. Nay thì trồng khắp các nơi. Các tỉnh khác cũng lấy giống về trồng rất nhiều. Bây giờ thì cả miền Nam Việt Nam đều có cả.

Tỉnh tự Trà Vinh thì ai ai ở quê mà không nhớ tiếng lười vắn của những con thừng. Con thừng là một loại điều đặc biệt, thông thường các loại điều khi bay thì mình phải cầm một đầu dây để giữ nhưng khi hết gió thì điều phải rơi xuống đất. Trái lại thừng là một loại điều lớn hơn nhiều, khi đã bay lên thì lên rất cao và sẽ ở mãi trên tầng gió cao, dù rằng mình đang đứng dưới đất không thấy một hơi gió nào cả. Nó mang lười vắn trên đầu, khi gặp gió thì phát ra âm thanh kêu như tiếng đờn, du dương êm ái. Chỉ một con thừng thả vào mùa xuân thì cả mấy xã chung quanh vẫn còn nghe tiếng lười vắn êm ả của nó.

Người dân cũng không sao quên được những âm thanh của ngũ âm, một nhạc cụ đặc biệt khi hòa tấu những bản nhạc dân gian. Người dân cũng không sao quên được những chiếc lồng đèn gió trắng tinh tung bay trên bầu trời xanh của miền nam nước Việt.

Đó là những âm thanh, những hình ảnh, những sinh hoạt đặc biệt của người Trà Vinh.

Sách tham khảo:

- *Mekong delta*
- *Công Chúa Sứ Giả tập II của Huỳnh Văn Lang*
- *Chuyện Đường Rừng của Huỳnh Văn Lang*
- *Đặc San Trà Vinh số 3, số 4, số 6*
- *Vũ trụ và con người của Nguyễn Văn Huấn & Nguyễn Thị Hai*